

ĐỀ CHÍNH THỨC*Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian phát đề)*

Họ và tên học sinh: Lớp:

Câu 1: Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có hình dạng là tam giác đều?

Biển báo 1

A. Biển báo 3.

Biển báo 2

B. Biển báo 4.

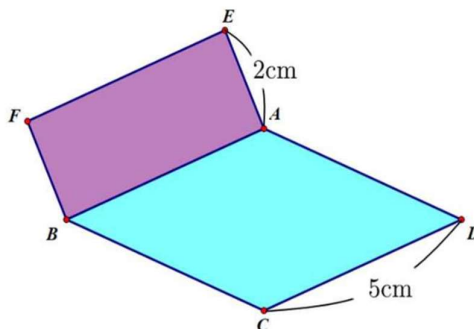
Biển báo 3

C. Biển báo 1.

Biển báo 4

D. Biển báo 2.**Câu 2:** Tích 5.5.5.5 được viết dưới dạng lũy thừa là:**A.** 4^5 .**B.** 5^4 .**C.** 5.4 .**D.** 5^5 .**Câu 3:** Cho các số: 2; 5; 6; 4. Trong các số đã cho, ước của 15 là:**A.** 6.**B.** 2.**C.** 4.**D.** 5.**Câu 4:** Cho các số: 362; 124; 963; 148. Trong các số đã cho, có bao nhiêu số chia hết cho 2?**A.** 2.**B.** 4.**C.** 1.**D.** 3.**Câu 5:** Cho tập hợp $P = \{1; 2; 3\}$. Trong các khẳng định sau, khẳng định đúng là:**A.** $1 \in P$.**B.** $2 \notin P$.**C.** $3 \notin P$.**D.** $0 \in P$.**Câu 6:** Cho các số: 11; 15; 26; 12; 31. Trong các số đã cho, có bao nhiêu số là hợp số?**A.** 2.**B.** 4.**C.** 5.**D.** 3.**Câu 7:** Logo của hãng xe ô tô Nhật Bản Mitsubishi với biểu tượng "Ba viên kim cương" đã gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của công ty được sử dụng từ năm 1964. Hỏi, trong thiết kế logo Mitsubishi được tạo nên bởi 3 hình gì? (hình vẽ minh họa dưới đây)**MITSUBISHI****A.** Hình thoi.**B.** Hình chữ nhật.**C.** Hình tam giác.**D.** Hình vuông.**Câu 8:** Cho các số: 17; 28; 27; 49. Trong các số đã cho, số nguyên tố là:**A.** 17.**B.** 28.**C.** 27.**D.** 49.**Câu 9:** Cho các số: \$125; 413; 718; 942\$. Trong các số đã cho, số chia hết cho 5 là:**A.** 718.**B.** 125.**C.** 942.**D.** 413.**Câu 10:** Giá trị của biểu thức $79 + 114 + 21 + 86$ bằng:**A.** 300.**B.** 190.**C.** 310.**D.** 290.

Câu 11: Cho hình chữ nhật $ABFE$ và hình thoi $ABCD$ $CD = 5\text{cm}$ và $AE = 2\text{cm}$. Diện tích của hình chữ nhật $ABFE$ bằng:



- A. 14cm^2 . B. 7cm^2 . C. 10cm^2 . D. 5cm^2 .

Câu 12: Tập hợp E gồm các số tự nhiên lẻ, nhỏ hơn 7 là:

- A. $E = \{1; 3\}$. B. $E = \{1; 3; 5; 7\}$.
C. $E = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6\}$. D. $E = \{1; 3; 5\}$.

Câu 13: Giá trị của biểu thức $22 - 2.(3^2 + 1)$ bằng:

- A. 200. B. 8. C. 140. D. 2.

Câu 14: Phân tích số 100 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả là:

- A. $2^2.25$. B. $2.5.10$ C. $2^2.5^2$. D. 4.5^2 .

Câu 15: Một hình chữ nhật và hình thoi có chu vi bằng nhau. Biết chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật lần lượt bằng 8cm và 6cm. Độ dài cạnh của hình thoi bằng:

- A. 14cm. B. 7cm. C. 28cm. D. 7,5cm.

Câu 16: Giá trị của biểu thức $36.29 + 36.71$ bằng:

- A. 3600. B. 360. C. 3240. D. 36000.

Câu 17: Một hình vuông có diện tích bằng 121cm^2 . Chu vi của hình vuông đó bằng:

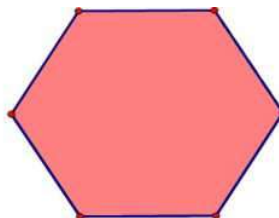
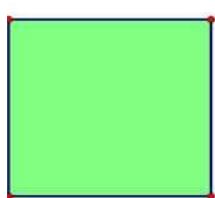
- A. 22cm. B. 11cm. C. 48cm. D. 44cm.

Câu 18: Có thể thay dấu $*$ bởi chữ số nào trong các chữ số sau thì $\overline{71}*$ chia hết cho 9?

- A. 6. B. 9. C. 2. D. 1.

Câu 19: Một hình vuông và một hình lục giác đều có chu vi bằng nhau. Biết rằng độ dài cạnh hình vuông bằng 6cm, độ dài cạnh của lục giác đều bằng:

- A. 8cm. B. 6cm. C. 4cm. D. 5cm.



Câu 20: Trong các số dưới đây, bội chung của 12 và 20 là:

- A. 24. B. 48. C. 40. D. 60.

Câu 21: Tập hợp tất cả các ước chung của 20 và 30 là:

- A. $\{4; 5; 15\}$. B. $\{1; 2; 5; 10\}$. C. $\{1; 2; 3; 5\}$. D. $\{1; 3; 5\}$.

Câu 22: Biết $\overline{x54y}$ chia hết cho cả 2; 5 và 3. Có bao nhiêu chữ số x thỏa mãn yêu cầu bài toán?

A. 2. B. 4. C. 5. D. 3.

Câu 23: Trong các khẳng định sau, khẳng định sai là:

- A. 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.
B. Tổng của hai số nguyên tố lớn hơn 2 luôn là số chẵn.
C. Không có số nguyên tố nào chia hết cho 3.
D. Mọi số tự nhiên lớn hơn 5 và chia hết cho 5 đều là hợp số.

Câu 24: Cho số tự nhiên x biết rằng: $x \in \text{ƯC}(60, 40)$ và $x > 4$. Tổng tất cả các giá trị của x thoả mãn yêu cầu bài toán bằng:

A. 20. B. 35. C. 30. D. 39.

Câu 25: Học sinh khối 6 của trường THCS Nghĩa Tân khi xếp thành hàng 12, hàng 18 và hàng 20 thì đều vừa đủ. Biết rằng số học sinh khối 6 có khoảng từ 500 đến 600 học sinh, số học sinh khối 6 của trường bằng:

A. 520. B. 580. C. 540. D. 552.

Câu 26: Cho số tự nhiên x thoả mãn: $x \in \text{Ư}(20)$ và $x > 5$. Tổng tất cả các giá trị của x thoả mãn yêu cầu bài toán bằng:

A. 42. B. 6. C. 30. D. 35.

Câu 27: Biết $\overline{1x23y}$ chia hết cho 5 và 9 nhưng không chia hết cho 2. Khi đó, $x + y$ bằng:

A. 12. B. 3. C. 10. D. 13.

Câu 28: Lớp 6A có 30 học sinh nam và 24 học sinh nữ. Cô giáo dạy môn Âm nhạc lớp 6A muốn chia đều lớp thành các nhóm để luyện tập sao cho số học sinh nam và nữ của mỗi nhóm là như nhau. Hỏi cô giáo có thể chia lớp thành nhiều nhất bao nhiêu nhóm?

A. 3. B. 6. C. 8. D. 5.

Câu 29: Cho số tự nhiên x thoả mãn: $x \in B(3)$ và $6 < x \leq 18$. Có bao nhiêu giá trị của x thoả mãn yêu cầu bài toán?

A. 5. B. 9. C. 6. D. 4.

Câu 30: Cho biểu thức: $P = 1992^4 + 2021^{2020}$. Giá trị của biểu thức P có chữ số tận cùng là:

A. 5. B. 3. C. 6. D. 7.

Câu 31: Cho số tự nhiên x và y thoả mãn: $(x+2)(y-1) = 7$. Khi đó, $x.y$ bằng:

A. 8. B. 6. C. 10. D. 7.

Câu 32: Cho hai số nguyên tố x và y thoả mãn: $x^2 + 117 = y^2$. Khi đó, $x + 2y$ bằng:

A. 53. B. 37. C. 15. D. 24.

HẾT